



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 01 NĂM 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Tổng số nhiệm vụ	Kết quả thực hiện nhiệm vụ								Điểm tháng	Mức xếp loại	
				Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn			Quá hạn, Không hoàn thành
I	Lãnh đạo Sở													
1	Vũ Văn Kiên	GD Sở	632	569 nhiệm vụ trước hạn 90.03%);63 nhiệm vụ đúng hạn (9.97%)										
2	Cù Trọng Khang	PGD Sở	172	147 nhiệm vụ trước hạn (85.47%); 25 nhiệm vụ đúng hạn (14,53%)								91,5 ¹	A	
3	Nguyễn Thị Tươi	PGD Sở	289	271 nhiệm vụ trước hạn (93.77%);18 nhiệm vụ đúng hạn 6.23%)								97,5 ²	A	
4	Nguyễn Thị Thiều Hương	PGD Sở	171	151 nhiệm vụ trước hạn (88.3%);20 nhiệm vụ đúng hạn 11.7%)								93,5 ³	A	
II	Phòng Xây dựng chính quyền		52	7	6	1	0	0	45	42	3	0	A	
				48 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Hưng	TP	2	0	0	0	0	0	2	1	1	0	90	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 89.3%)
² Được thưởng 7,5 điểm (thưởng 6 điểm có 02 ý tưởng đổi mới sáng tạo thuộc đơn vị phụ trách sản phẩm là văn bản HĐND tỉnh và Sở ban hành; thưởng 1,5 điểm trước hạn 89.3%)
³ Được thưởng 3,5 điểm (thưởng 2 điểm có 01 ý tưởng đổi mới sáng tạo thuộc đơn vị phụ trách sản phẩm là văn bản Sở ban hành; thưởng 1,5 điểm trước hạn 87.76%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Vũ Thị Duyên	PTP	9	2	2	0	0	0	7	7	0	0	92,5 ⁴	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Nguyễn Thị Thu Trang	CV	5	0	0	0	0	0	5	3	2	0	90,5 ⁵	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (60%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (40%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Vương Thị Ngọc	CV	9	4	3	1	0	0	5	5	0	0	91,5 ⁶	A
				8 nhiệm vụ trước hạn (88.89%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (11.11%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phan Thị Diễm	CV	8	1	1	0	0	0	7	7	0	0	92,5 ⁷	A
				8 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

⁵ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 60%)

⁶ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 88.89%)

⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Vũ Thị Thanh Hương	CV	8	0	0	0	0	0	8	8	0	0	92,5 ⁸	A
				8 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Lê Thị Hải Anh	CV	11	0	0	0	0	0	11	10	1	0	92 ⁹	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
III	Phòng Tổ chức, biên chế		77	11	11	0	0	0	66	58	8	0		A
				69 nhiệm vụ trước hạn (89.61%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (10.39%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Bùi Xuân Hiếu	TP	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ¹⁰	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Đào Thị Thu Trang	PTP	11	2	2	0	0	0	9	7	2	0	91,5 ¹¹	A
				9 nhiệm vụ trước hạn (81.82%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (18.18%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁹ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90.91%)¹⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)¹¹ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 81.82%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Nguyễn Anh Tuấn	PTP	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Anh	CV	19	2	2	0	0	0	17	15	2	0	91,5 ¹²	A
				17 nhiệm vụ trước hạn (89.47%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (10.53%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Nguyễn Thị Luyến	CV	11	1	1	0	0	0	10	9	1	0	92 ¹³	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Mai Quỳnh Nga	CV	6	2	2	0	0	0	4	3	1	0	99,5 ¹⁴	A
				5 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Hoàng Thị Bích Ngọc	CV	13	2	2	0	0	0	11	10	1	0	92 ¹⁵	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹² Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 89.47%)

¹³ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 90.91%)

¹⁴ Được thưởng 9,5 điểm (thưởng 8 điểm có đổi mới, sáng tạo là văn bản của UBND tỉnh; thưởng 1,5 điểm trước hạn 83.33%)

¹⁵ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92.31%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
8	Lê Thị Yến	CV	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ¹⁶	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Đỗ Thị Phương	CV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ¹⁷	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
IV	Phòng Công chức, viên chức		78	4	4	0	0	1	74	67	7	0		A
				71 nhiệm vụ trước hạn (91.03%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (9.07%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Phạm Thị Ngoan	PTP	2	1	1	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ¹⁸	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Phạm Văn Tùng	PTP	8	1	1	0	0	0	7	3	4	0	90	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (50%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

¹⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

¹⁸ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Nguyễn Thị Nga	CV	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	92,5 ¹⁹	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Hải Yến	CV	20	0	0	0	0	0	20	20	0	0	92,5 ²⁰	A
				20 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Trần Thị Kim Tuyến	CV	13	0	0	0	0	0	13	12	1	0	92 ²¹	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Thị Dương	CV	23	1	1	0	0	0	22	20	2	0	92 ²²	A
				21 nhiệm vụ trước hạn (91.3%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (8.7%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

¹⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²¹ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 92.31%)

²² Được thưởng 2 điểm (trước hạn 91.3%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
7	Phạm Thị Hà Mi	CV	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ²³	A	
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
V	Phòng CCHC-VTLT		16	7	7	0	0	0	9	9	0	0		A	
				16 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Hoàng Xuân Chính	TP	1	0	0	0	0	0	2	2	0	0	90	B	
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Trần Anh Dũng	PTP	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	92,5 ²⁴	A	
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Đoàn Minh Sang	CV	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	92,5 ²⁵	A	
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

²³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Trần Thị Hồng Anh	CV	6	1	1	0	0	0	5	5	0	0	92,5 ²⁶	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Trần Thị Lan Phương	CV	4	1	1	0	0	0	3	3	0	0	92,5 ²⁷	A
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VI	Thanh tra Sở		32	9	7	2	0	0	23	21	2	0		A
				28 nhiệm vụ trước hạn (87.5%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (12.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Lương Thị Phương Chi	CTT	7	4	3	1	0	0	3	3	0	0	91,5 ²⁸	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (85.71%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (14.29%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Hoàng Minh Hiền	PCTT	5	1	0	1	0	0	4	3	1	0	90,5 ²⁹	A
				3 nhiệm vụ trước hạn (60%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (40%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

²⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

²⁸ Được thưởng 1,5 điểm (trước hạn 85.71%)

²⁹ Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 60%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
3	Phan Thu Trang	TTV	6	2	2	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ³⁰	A
				6 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Bùi Trung Kiên	TTV	11	2	2	0	0	0	9	9	0	0	92,5 ³¹	A
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Hoàng Thị Thùy Dung	CV	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	90,5 ³²	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
VII	Phòng Tín ngưỡng - Tôn giáo		79	5	5	0	0	0	74	73	1	0		A
				78 nhiệm vụ trước hạn (98.73%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (1.27%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Thị Lý	TP	27	1	1	0	0	0	26	26	0	0	92,5 ³³	A
				27 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³² Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)

³³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Mai Thị Hồng Huệ	PTP	12	1	1	0	0	0	11	11	0	0	92,5 ³⁴	A
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Vũ Thị Tân	CV	14	1	10	0	0	0	13	13	0	0	92,5 ³⁵	A
				14 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Văn Bằng	CV	11	1	1	0	0	0	10	9	1	0	90	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phạm Thu Huyền	CV	18	1	1	0	0	0	17	17	0	0	89	B
				18 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

³⁴ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³⁵ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
VIII	Văn phòng		54	19	16	3	0	1	35	29	6	0		A	
				45 nhiệm vụ trước hạn (83,33%); 9 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Vũ Quốc Khánh	CVP	5	4	4	0	0	0	1	1	0	0	92,5 ³⁶	A	
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Nguyễn Bá Hoàng	PCVP	24	3	3	0	0	0	21	19	2	0	91,5 ³⁷	A	
				22 nhiệm vụ trước hạn (91.67%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (8.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Chu Bình Mích	CV	12	8	7	1	0	0	4	4	0	0	92 ³⁸	A	
				11 nhiệm vụ trước hạn (91.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (8.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

³⁶ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

³⁷ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 91.67%)

³⁸ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 91.67%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
4	Mai Hồng Quân	CV	4	4	2	2	0	0	0	0	0	0	90	A	
				2 nhiệm vụ trước hạn (50%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (25%)											
5	Vũ Thị Sang	CS	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	92,5 ³⁹	A	
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
6	Lê Xuân Tình	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
7	Quách Hồng Thuận	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
8	Hoàng Thị Thanh Mai	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

³⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
9	Lê Thị Thu Hà	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B	
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
IX	Ban Thi đua - Khen thưởng		205	11	7	4	0	0	194	188	6	0		A	
				195 nhiệm vụ trước hạn (95.12%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (4.88%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Nguyễn Đình Tuệ	TB	7	0	0	0	0	0	7	7	0	0	92,5 ⁴⁰	A	
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Đỗ Thị Yến	PTB	16	1	1	0	0	0	15	15	0	0	92,5 ⁴¹	A	
				16 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Quách Thị Lan Phương	PTB	13	2	2	0	0	0	11	11	0	0	92,5 ⁴²	A	
				13 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

⁴⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴¹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴² Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
4	Nguyễn Thị Hồng Dung	CV	5	0	0	0	0	0	5	2	3	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (40%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (60%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Vũ Xuân Hanh	CV	32	0	0	0	0	0	32	32	0	0	92,5 ⁴³	A
				32 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Phạm Thị Huyền	CV	39	5	3	2	0	0	34	34	0	0	92 ⁴⁴	A
				37 nhiệm vụ trước hạn (94.87%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (5.13%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Phạm Minh Châu	CV	28	2	1	1	0	0	26	26	0	0	92 ⁴⁵	A
				27 nhiệm vụ trước hạn (96.43%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (3.57%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đoàn Thu Trang	CV	23	0	0	0	0	0	23	21	2	0	92 ⁴⁶	A
				21 nhiệm vụ trước hạn (91.3%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (8.7%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴³ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁴ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 94.87%)⁴⁵ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 96.43%)⁴⁶ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 91.3%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
9	Vũ Thị Hợi	CV	22	0	0	0	0	0	22	22	0	0	92,5 ⁴⁷	A
				22 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Nguyễn Thị Hương	CV	19	1	0	1	0	0	18	18	0	0	92 ⁴⁸	A
				18 nhiệm vụ trước hạn (94.74%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (5.26%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Đỗ Ngọc Phú	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
X	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		38	3	3	0	0	0	35	15	20	0		B
				18 nhiệm vụ trước hạn (47.37%); 20 nhiệm vụ đúng hạn (52.63%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trương Văn Toàn	GĐ TT	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	92,5 ⁴⁹	A
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁴⁷ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁴⁸ Được thưởng 2 điểm (trước hạn 94.74%)⁴⁹ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Bùi Thị Thu Hà	PGĐ TT	2	0	0	0	0	0	2	1	1	0	90	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đinh Thị Ngọc Tân	PGĐ TT	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	92,5 ⁵⁰	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
Phòng HC-TH			25	0	0	0	0	0	25	10	15	0		B
				11 nhiệm vụ trước hạn (45.83%); 13 nhiệm vụ đúng hạn (54.17%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Viết Hòa	VC	10	0	0	0	0	0	10	10	0	0	92,5 ⁵¹	A
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Đinh Thị Thùy Giang	VC	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	90,5 ⁵²	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵⁰ Được thưởng 2,5 điểm (trước hạn 100%)⁵¹ Được thưởng 2,5 điểm (thường 2,5 điểm trước hạn 100%)⁵² Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Nguyễn Trường Thịnh	VC	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Đoàn Thị Trà Giang	VC	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	90,5 ⁵³	A
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đỗ Văn Tiến	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Nguyễn Thị Dinh	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Đoàn Văn Sáng	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

⁵³Được thưởng 0,5 điểm (trước hạn 66.67%)

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
	Phòng Nghiệp vụ lưu trữ		8	0	0	0	0	0	8	5	3	0		B
5 nhiệm vụ trước hạn (62.5%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (37.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)														
11	Lương Lê Thành	VC	1	0	0	0	0	0	2	2	0	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
12	Nguyễn Thị Hiếu	VC	5	0	0	0	0	0	5	5	0	0	89	B
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Nguyễn Thị Hằng	VC	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										